

Bản án số: **88/2023/HS-PT**
Ngày 13/6/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhiên;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hà Giang;

Ông Nguyễn Việt Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khánh Hưng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 13/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 105/2023/TLPT-HS ngày 27/3/2023 đối với bị cáo T do có kháng cáo của bị cáo với Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2023/HS-ST ngày 15/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang.

- Bị cáo kháng cáo:

Họ và tên: T, sinh ngày 20/10/1965.

Nơi cư trú: Thôn X, xã X, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/10; Đảng, đoàn thể: Đảng viên sinh hoạt tại chi bộ thôn X, xã X, huyện H, tỉnh Bắc Giang (Đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng); Nghề nghiệp: Làm ruộng (nguyên Chủ tịch UBND xã X).

Con ông: Ngô Khắc Chiêu, sinh năm: 1934; Con bà: Ngô Thị Thành, sinh năm: 1936 (đã chết); gia đình có 8 anh chị em, bị cáo là thứ 3; Vợ: Nguyễn Thị Minh, sinh năm: 1969; Con: 02 con (lớn sinh năm 1988; nhỏ sinh năm 1990); Tiền án, tiền sự: Không có.

Hiện bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Trong vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo và không liên quan đến kháng cáo Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ban quản lý (viết tắt là BQL) thôn C, xã X, huyện H , nhiệm kỳ 2015 - 2017 gồm: ông Nguyễn Hải Lan- Bí thư Chi bộ thôn; ông Vũ Văn Giang (tên gọi khác Vũ Trường Giang) - Trưởng thôn, Phó Bí thư chi bộ; bà Nguyễn Thị Huệ - Chi ủy viên, Phó trưởng thôn; ông Vũ Văn Trang - Phó trưởng thôn. Ngoài ra, còn cử bà Ngô Thị Yên là kế toán, đã lạm dụng chức vụ, vượt quá thẩm quyền được giao chỉ đạo tổ chức đấu thầu 31 lô đất lâu dài với tổng diện tích 26.423 mét vuông là đất nông nghiệp khu vực đồng Mầu, thuộc địa giới hành chính quản lý của xã B, huyện S, thành phố H, thu tổng số tiền 5.030. 403.000 đồng của 14 cá nhân, hộ gia đình để lấy tiền chi trả cho công tác đôn điền, đổi thửa, tiền đối ứng các công trình xây dựng trên địa bàn thôn và chi cho các hoạt động phúc lợi của thôn C.

Ngay sau khi phát hiện ra thôn C tổ chức đấu thầu đất trái thẩm quyền, T - Chủ tịch Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã X đã yêu cầu ban quản lý thôn chấm dứt ngay việc đấu thầu đất, nộp tiền bán đất cho UBND xã để quản lý, đồng thời, có văn bản xin ý kiến chỉ đạo của UBND huyện H . Từ năm 2015 đến năm 2017, thôn C đã 03 lần nộp tiền về UBND xã X, tổng số tiền 2.866.220.000 đồng.

Quá trình thực hiện chương trình mục tiêu “về đích nông thôn mới” của xã X, do thiếu kinh phí để đối ứng cho các công trình xây dựng trên địa bàn xã, T đã chỉ đạo bà L là kế toán UBND xã làm thủ tục chi tổng số tiền 2.849.416.000 đồng để thanh toán cho các công trình như: Xây dựng Trạm y tế xã X (chứng từ chi ngày 20/11/2015, 25/11/2015 và ngày 18/3/2016) Là 200.532.000 đồng; xây dựng Trường Mầm non khu C (chỉ từ chi ngày 26/10/2015 và ngày 16/8/2-18) là 137.679.000 đồng; xây dựng Trường Mầm non khu C1 (chỉ từ chi các ngày 16/10/2015, 15/12/2015, 14/6/2016, 03/5/2018 và 09/5/2018) là 806.878.000 đồng; xây dựng đường bê tông xi măng liên thôn từ C2 đi N (chứng từ cho ngày 25/11/2015, 16/12/2015 và ngày 02/02/2016) là 676.372.000 đồng; cải tạo nâng cấp tuyến đường 2 ĐT 3 liên thôn, liên xã MT – X (chứng từ chi ngày 20/11/2015, 03/12/2015, 03/02/2016 và 03/6/2016) là 267.365.000 đồng; xây dựng Trường Tiểu học khu C (chứng từ chi ngày 30/12/2016, 31/8/2017 và ngày 17/01/2016) là 274.342.000 đồng; xây dựng khu thể thao xã X (chứng từ chi ngày 15/4/2016) là 60.113.000 đồng; xây dựng nhà văn hóa xã X (chứng từ chi ngày 08/02/2018) là 65.645.000 đồng; xây dựng Trường THCS xã X (chứng từ chi ngày 20/9/2018) là 50.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 16.804.000 đồng, UBND xã X tiếp tục quản lý. Sau khi các công trình trên được thanh quyết toán, UBND xã không có nguồn để

trả lại số tiền 2.849.416.000 đồng đã thu từ việc bán đất trái thẩm quyền của BQL thôn C. Đến nay, UBND xã X chưa trả lại tiền cho BQL thôn C để trả lại cho các hộ dân đã nộp cho các lô đất trúng thầu.

Ngày 14/4/2022, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Giang ra Quyết định trưng cầu giám định số 114/CSĐT – VPCQCSĐT trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang giám định chữ ký, chữ viết trên các chứng từ tài liệu. Ngày 04/5/2022, Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bắc Giang có Bản kết luận giám định số 727/KL-KTHS, kết luận: “Chữ ký mang tên Ngô Xuân Thủy, Ngô Thị Ngọc Linh, T, Ngô Thị Yên trên các tài liệu gửi giám định là chữ ký của Ngô Xuân Thủy, Ngô Thị Ngọc Linh, T, Ngô Thị Yên. Chữ ký mang tên Ngô Xuân Thủy dưới các mục “Người nộp tiền”, “Người nộp tiền ký” trên Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước đề ngày 08/7/2015 và Bảng kê loại tiền nộp đề ngày 08/7/2015 và Bảng kê loại tiền nộp đề ngày 08/7/2015 không phải của Ngô Xuân Thủy.

Ngày 16/5/2022, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Giang ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung số 09/CSĐT – VPCQCSĐT trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang giám định chữ ký, chữ viết trên Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước đề ngày 08/7/2015 và Bảng kê loại tiền nộp đề ngày 08/7/2015. Ngày 25/5/2022, Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bắc Giang có Bản kết luận giám định bổ sung số 883/KL-KTHS kết luận: Chữ ký, chữ viết là của Ngô Thị Ngọc Linh.

Ngày 07/7/2020, bà Ngô Thị Ngọc Linh – Kế toán UBND xã X đã nộp lại số tiền 16.804.000 đồng; T đã tự nguyện nộp số tiền 400.000.000 đồng (ngày 18/12/2020 nộp 300.000.000 đồng; ngày 17/5/2021 nộp 100.000.000 đồng) để khắc phục hậu quả.

Quá trình giải quyết vụ án ngày 20/11/2021 T đã tự nguyện nộp số tiền 2.449.426.000 đồng để khắc phục. Đến nay, hậu quả đã được khắc phục xong.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2023/HS-ST ngày 15/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang đã căn cứ khoản 3 và khoản 4 Điều 281 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Điều 136; Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo T 03 năm tù về tội “*Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”.

Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo 10.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước. Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ, công việc về quản lý 03 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo cho bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, hướng dẫn thi hành án dân sự.

Án xử xong, ngày 28/02/2023, bị cáo kháng cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thay đổi kháng cáo, rút kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo, với lý do: quá trình công tác bị cáo có nhiều thành tích; bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, được tặng thưởng nhiều kỷ niệm chương, bằng khen, giấy khen; bị cáo đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền 2.866.220.000 đồng vào Cục thi hành án dân sự để trả lại cho các hộ dân mua đất. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo tự nguyện nộp toàn bộ khoản tiền phạt bổ sung, án phí. Ngoài ra, bị cáo được Huyện ủy H, Ủy ban nhân dân xã X và ông Phạm Văn T - Đại biểu Quốc hội tỉnh Bắc Giang khóa XV có văn bản đề nghị giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, xác định Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng người đúng tội. Tại cấp phúc thẩm bị cáo nộp thêm biên lai nộp tiền phạt bổ sung và án phí theo Bản án sơ thẩm đã quyết định, Huyện ủy H, Ủy ban nhân dân xã X và ông Phạm Văn T - Đại biểu Quốc hội tỉnh Bắc Giang khóa XV có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ, trong đó có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều thành tích trong công tác, có nơi cư trú rõ ràng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận tình tiết giảm nhẹ mới, giữ nguyên mức hình phạt 03 năm tù của Bản án sơ thẩm nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Các nội dung khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Phản tranh luận: Bị cáo nhất trí với ý kiến của đại diện VKS và không tranh luận gì.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo được làm trong thời hạn quy định của pháp luật theo đúng quy định tại Điều 331, 332, 333

Bộ luật tổ tụng hình sự nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp. HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Năm 2015, T - Chủ tịch UBND xã X, huyện H, tỉnh Bắc Giang đã lợi dụng chức vụ được giao, chỉ đạo Ban quản lý thôn Cẩm Hoàng nộp lại số tiền 2.866.220.000 đồng thu được từ việc tổ chức đấu thầu đất trái thẩm quyền về ngân sách UBND xã để quản lý. Do cần tiền để thanh toán cho các công trình xây dựng phục vụ về đích nông thôn mới, từ năm 2015 đến tháng 01/2019, T đã chỉ đạo bà Ngô Thị Ngọc Linh- Kế toán UBND xã X lập chứng từ chi trái quy định dẫn đến không có khả năng thu hồi, gây thiệt hại tổng số tiền 2.849.416.000 đồng (*Hai tỷ, tám trăm bốn mươi chín triệu, bốn trăm mười sáu nghìn đồng*) từ số tiền đã thu của Ban quản lý thôn Cẩm Hoàng.

Hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” theo quy định tại khoản 3 Điều 281 Bộ luật Hình sự năm 1999. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện H xét xử bị cáo theo tội danh và áp dụng điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo thấy:

Án sơ thẩm căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân đã tuyên phạt bị cáo T 03 (Ba) năm tù về tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” là có căn cứ, phù hợp với tính chất mức độ của hành vi phạm tội và đúng quy định pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo nộp biên lai nộp 10.200.000 đồng là khoản tiền phạt bổ sung và án phí theo Bản án sơ thẩm đã quyết định. Ngoài ra, Huyện ủy H, Ủy ban nhân dân xã X và ông Phạm Văn Thịnh- Đại biểu Quốc hội tỉnh Bắc Giang có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh đề nghị cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật do bị cáo có nhiều thành tích, cống hiến trong thời gian công tác; quá trình công tác tại Đảng ủy xã X đã lãnh đạo nhân dân đạt nhiều thành tích mới được biểu dương, được các cấp tặng giấy khen, bằng khen cho cá nhân và tập thể. Hành vi phạm tội của bị cáo do thiếu hiểu biết về pháp luật, không có tính chất vụ lợi cá nhân. Toàn bộ số tiền sử dụng vào mục đích xây dựng công trình phúc lợi của địa phương, bị cáo đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền vi phạm để khắc phục hậu quả.

Đây là những tình tiết mới tại cấp phúc thẩm được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều thành tích trong công tác, khắc phục toàn bộ thiệt hại, có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Căn cứ khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ- HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định xét xử về tội phạm tham nhũng, chức vụ. Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ

nguyên mức hình phạt của Bản án sơ thẩm nhưng cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, giao bị cáo cho địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung, đồng thời không gây nguy hại cho xã hội.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận; Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Sửa án sơ thẩm.

2. Áp dụng khoản 3 Điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo T 03 (Ba) năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện H , tỉnh Bắc Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ, công việc về quản lý trong thời hạn 03 năm kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo không phải nộp án phí HSPT.

4. Xác nhận bị cáo đã thi hành xong khoản tiền phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm là 10.200.000 đồng theo Bản án hình sự sơ thẩm đã tuyên tại Biên lai thu số 0000515 ngày 27/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H , tỉnh Bắc Giang.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- CA-VKS-TA-CCTHADS cấp sơ thẩm;
- Bị cáo;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nhiên